

QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM Ở VIỆT NAM

Phạm Hồng Quang¹, Nguyễn Danh Nam^{2*}

¹Đại học Thái Nguyên, ²Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN Thái Nguyên

TÓM TẮT

Trên cơ sở trình bày một số bất cập trong việc quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020, trong đó có hệ thống các trường sư phạm, bài viết đưa ra quan điểm và nguyên tắc quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam theo một cách tiếp cận mới. Từ kết quả phân tích kinh nghiệm quốc tế và bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay, bài viết đề xuất một số định hướng cho vấn đề quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm, trong đó cần hình thành một số trường sư phạm trọng điểm để dẫn dắt hệ thống sư phạm phát triển, từng bước hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực đào tạo giáo viên (ĐTGV).

Từ khóa: Quy hoạch; quan điểm quy hoạch; mạng lưới sư phạm; trường sư phạm; đào tạo giáo viên.

Ngày nhận bài: 15/11/2019; Ngày hoàn thiện: 23/12/2019; Ngày đăng: 31/12/2019

VIEWPOINTS AND PRINCIPLES OF RESTRUCTURING THE NETWORK OF TEACHER EDUCATION INSTITUTIONS IN VIETNAM

Pham Hong Quang¹, Nguyen Danh Nam^{2*}

¹Thai Nguyen University, ²TNU - University of Education

ABSTRACT

On the basis of presenting some inadequacies in restructuring the network of universities and colleges in the 2006-2020 period, including the system of teacher education universities and colleges, the paper introduces the views and principles of restructuring teacher education network in Vietnam according to a new approach. From the results of analysing international experiences and the current context of higher education renovation, the paper proposes a number of orientations for restructuring the network of teacher education universities and colleges, in which some key teacher training institutions should be built for leading the teacher education system and gradually international integration in the area of teacher training.

Keywords: Restructuring; viewpoints of restructuring; teacher education system; teacher training institutions; teacher education.

Received: 15/11/2019; Revised: 23/12/2019; Published: 31/12/2019

* Corresponding author. Email: danhnam.nguyen@dhsptn.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Quy hoạch là dự báo phát triển, sắp xếp, bố trí toàn bộ theo một trình tự hợp lý, trong từng giai đoạn làm cơ sở cho việc lập kế hoạch dài hạn nhằm đạt được mục tiêu. Trên cơ sở đánh giá, phân tích thực trạng công tác ĐTGV, điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn, dự báo nhu cầu, tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế, nắm bắt xu thế phát triển giáo dục của xã hội để xác định được quan điểm, phương hướng, mục tiêu cho việc đào tạo nguồn lực giáo viên. Từ đó, đưa ra những phương pháp, giải pháp phát triển và phân bổ mạng lưới ĐTGV phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Về mặt tổng thể, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 [1] và sau đó là phê duyệt điều chỉnh quy hoạch [2] (còn gọi là Quy hoạch 37). Quy hoạch 37 được xây dựng trên quan điểm mở rộng quy mô, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước, cơ cấu nguồn nhân lực; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; phát triển mạng lưới các trường đại học gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế xã hội, tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước, gắn với từng vùng, từng địa phương; tập trung đầu tư xây dựng các trường đẳng cấp quốc tế, các trường trọng điểm ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tăng cường phân cấp quản lý, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học, cao đẳng; xây dựng một số trường đại học, cao đẳng mạnh, hình thành các cụm đại học; khắc phục hiện trạng manh mún, phân tán của mạng lưới; khuyến khích sự phối hợp giữa các địa phương trong việc mở trường; phát triển mạng lưới các trường đại học, cao đẳng phải phù hợp với chiến lược phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội, tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước, gắn với từng vùng, từng địa phương; xây dựng cơ cấu ngành nghề,

trình độ đào tạo, bố trí theo vùng miền hợp lý; xây dựng một số trung tâm đào tạo nhân lực trình độ cao, gắn với các vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực, hình thành một số trung tâm đào tạo nguồn nhân lực tập trung theo vùng,... Mục tiêu cụ thể của Quy hoạch 37 là 256 sinh viên/vạn dân vào năm 2020, 17-26 sinh viên/giảng viên ở bậc đại học và cao đẳng; giảng viên đại học có trình độ tiến sỹ đạt 21%; có 01 trường có tên trong danh sách 200 trường đại học hàng đầu thế giới; thu hút được 3% sinh viên là người nước ngoài trong tổng số sinh viên; tỷ trọng sinh viên đại học so với tổng số sinh viên đại học, cao đẳng chiếm khoảng 56% vào năm 2020. Một trong những giải pháp thực hiện Quy hoạch 37 đó là xây dựng các trung tâm dự báo nhu cầu nguồn nhân lực nhằm cung cấp dữ liệu thống kê, thông tin, dự báo đầy đủ, chính xác, phục vụ công tác quy hoạch phát triển ngành và cơ sở đào tạo, bám sát quy hoạch phát triển nhân lực đến năm 2020 [2].

Quy trình triển khai Quy hoạch 37 đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế, thể hiện ở những mặt sau: (1) sự phân bổ các cơ sở giáo dục đại học quá dàn trải về địa lý; việc thành lập trường vẫn theo nhu cầu phát triển của từng bộ, ngành hoặc địa phương, chưa quan tâm đến tính thống nhất, đồng bộ của cả hệ thống; (2) chất lượng đào tạo chưa tương xứng với phát triển số lượng: tốc độ thành lập, nâng cấp trường đại học trong giai đoạn 2007 - 2011 tăng nhanh; theo Quy hoạch 37 thì đến năm 2016 đã vượt so với chỉ tiêu đến năm 2020 trong khi các điều kiện đảm bảo chất lượng chưa được quan tâm. Sự mở rộng quy mô đào tạo, thiếu kiểm soát các yếu tố đảm bảo chất lượng (cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn của giảng viên, tỉ lệ sinh viên/giảng viên, trình độ đầu vào, chương trình đào tạo và kiểm soát, đánh giá chất lượng trong quá trình đào tạo,...), thiếu dự báo về cung và cầu đã dẫn đến tình trạng nhiều sinh viên tốt nghiệp không kiếm được việc làm, nghĩa là không đảm bảo được mối quan hệ giữa cung và cầu

về nhân lực trong lĩnh vực giáo dục. Điều này cũng dẫn đến hệ quả là một số trường cao đẳng bị giải thể; một số khác phải sát nhập hoặc chuyển đổi hình thức đào tạo sang đa ngành; một số trường khác chuyển sang thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên,... Sự bất cập trên đã và đang xảy ra trên toàn bộ hệ thống đào tạo sư phạm của Việt Nam. Vì thế, cần có cơ chế đặc thù, vừa đảm bảo sự tự chủ của các trường, vừa xây dựng các cơ chế thống nhất, chặt chẽ đảm bảo nguồn lực giáo viên đáp ứng được các yêu cầu của sự phát triển giáo dục đất nước trong bối cảnh hiện nay. Các trường ĐTGV cần được quản lý, định hướng theo chiến lược quốc gia. Nếu ĐTGV theo mô hình khép kín thì cần xây dựng cơ chế đặt hàng của Nhà nước, nhu cầu địa phương hoặc các bên liên quan khác. Tuy nhiên, việc tuyển dụng giáo viên hiện nay ở các địa phương do sở hoặc phòng Nội vụ đảm nhiệm theo các quy định hiện hành về phân cấp trong khi sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo (GDĐT) và các cơ sở giáo dục lại là các đơn vị quản lý, sử dụng giáo viên [3]. Do vậy, lựa chọn cách thức ĐTGV theo cơ chế đặt hàng cần xem xét điều chỉnh các chính sách ở tầm vĩ mô.

Nhiều trường sư phạm vẫn chưa quan tâm đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo để đáp ứng quy mô tuyển sinh; đội ngũ giảng viên, đặc biệt là giảng viên cơ hữu chưa đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn; nguồn lực tài chính phân tán; chưa đầu tư dự báo thị trường nên các ngành đào tạo còn trùng lặp, chồng chéo trong một địa bàn [4]. Nhiều nơi mở ngành ĐTGV vẫn dựa vào năng lực và kinh nghiệm vốn có, dẫn đến những ngành thiếu giáo viên thì lại không đào tạo (ví dụ giáo viên âm nhạc, mỹ thuật, khoa học tự nhiên, tư vấn tâm lý học đường, giáo viên giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh,...). Đó là những nguyên nhân khiến cơ cấu giáo viên các ngành chưa hợp lý và chất lượng đào tạo hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Vấn đề thừa/thiếu cục bộ giáo viên còn được thể hiện ở cơ cấu vùng miền (thiếu giáo viên ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo,...). Như vậy, có thể nói các ngành ĐTGV phát triển mất cân đối, thừa giáo viên ở một số môn học. Vì thế, ĐTGV hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là thị trường lao động trong khối các nước ASEAN. Thực trạng khó kiểm soát trong quy mô đào tạo, không tương xứng giữa cung và cầu về nhân lực trong lĩnh vực ĐTGV ở các địa phương. Hơn nữa, các cơ sở đào tạo sư phạm chưa thực sự tạo thành hệ thống, chưa có tính liên thông, hỗ trợ, thống nhất, và chưa có sự phân cấp. Về cơ bản, các trường hoạt động độc lập, mỗi trường vẫn chỉ là những thành phần được sắp xếp cạnh nhau trong hoạt động đào tạo giáo viên [5], [4].

2. Quan điểm quy hoạch các trường sư phạm

Dựa trên phân tích những hạn chế, bất cập của Quy hoạch 37, chúng tôi đề xuất vấn đề quy hoạch các trường sư phạm trong bối cảnh hiện nay cần dựa vào các quan điểm sau đây:

- Quy hoạch các trường sư phạm cần dựa trên các tiêu chuẩn chất lượng và điều kiện đảm bảo chất lượng cùng hệ thống thông tin, thống kê hoàn chỉnh giúp cho việc công khai, minh bạch chất lượng và kết quả đào tạo, nhằm tạo ra sự phân loại và cơ chế cạnh tranh lành mạnh về chất lượng và thương hiệu giữa các cơ sở đào tạo, đổi mới quản trị đại học, nâng cao năng lực đào tạo và các chính sách về đào tạo sư phạm, tuyển dụng giáo viên. Đảm bảo đào tạo phải gắn với nhu cầu sử dụng trên cơ sở căn cứ vào nhu cầu số lượng, cơ cấu giáo viên các môn học, các cấp/ bậc học từng năm của từng địa phương phù hợp với yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới, nhà nước thực hiện giao chỉ tiêu tuyển sinh cho các cơ sở ĐTGV đảm bảo chuẩn chất lượng sư phạm, theo đó sẽ hạn chế được số lượng các cơ sở ĐTGV có quy mô nhỏ, phân tán, chất lượng đào tạo thấp.

- Khắc phục được sự chồng chéo, dàn trải, thiếu hiệu quả của hệ thống đào tạo giáo viên

hiện tại; đảm bảo quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, đặc biệt là trách nhiệm giải trình về chất lượng đào tạo của các cơ sở ĐTGV; phát huy tối đa các nguồn lực hiện có của từng cơ sở để hình thành một mạng lưới ĐTGV tinh gọn, hiệu quả; tập trung đầu tư thành lập một số trường sư phạm trọng điểm với vai trò dẫn dắt hệ thống và chuyển đổi một số trường sư phạm thành phân hiệu của các trường đại học sư phạm hoặc cơ sở bồi dưỡng giáo viên ở địa phương.

- Đảm bảo triển khai theo lộ trình thích hợp, có tính kế thừa, tính khả thi để các cơ sở ĐTGV có thời gian thực hiện sắp xếp, tổ chức lại; không làm xáo trộn, mất ổn định, ảnh hưởng lớn đến đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông; có sự phân bố hợp lý các trường sư phạm theo không gian (điểm, diện) để đảm bảo yếu tố vùng miền, phù hợp với quy mô dân số, sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng lãnh thổ và từng địa phương trên toàn quốc, đặc biệt chú ý đến ĐTGV giảng dạy ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; phân định rõ vai trò của các bên liên quan, bao gồm Chính phủ, chính quyền địa phương, trường sư phạm, nhà tuyển dụng trong đầu tư, quản lý và phát triển hệ thống ĐTGV.

- Nhà nước giữ vai trò quản lý tập trung đối với lĩnh vực ĐTGV; đẩy mạnh xã hội hoá, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho giáo dục; tăng cường gắn kết giữa trường sư phạm và thị trường lao động trong toàn bộ quá trình đào tạo; quy hoạch các trường sư phạm trên cơ sở đáp ứng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có nghĩa là vừa đảm bảo tính tự chủ của các trường sư phạm vừa đảm bảo tính thống nhất trong quản lý của Bộ GDĐT; chỉ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở trường sư phạm công lập; có phương án giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động sau khi quy hoạch và bảo đảm quyền lợi người lao động; nâng cao vai trò, trách nhiệm kiểm tra và giám sát của Bộ GDĐT, các bộ ngành liên quan và các địa phương trong quản lý các cơ sở ĐTGV.

3. Nguyên tắc quy hoạch các trường sư phạm

Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học xác định việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Luật quy hoạch và các nội dung sau đây: a) Xác định mục tiêu, phương hướng phát triển của hệ thống giáo dục đại học; b) Ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học để thực hiện quy hoạch; c) Sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn [4]. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất việc quy hoạch các trường sư phạm cần thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

Nguyên tắc 1: Việc quy hoạch các trường sư phạm phải dựa trên bộ quy chuẩn trường sư phạm, tạo điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và nâng cao hiệu quả của hệ thống giáo dục đại học nói chung, của các trường sư phạm nói riêng và phục vụ tốt hơn cho việc ĐTGV trong bối cảnh mới.

Bộ GDĐT cần xây dựng bộ quy chuẩn trường sư phạm, từ đó tổ chức đánh giá năng lực đào tạo, bồi dưỡng theo bộ chuẩn này để xác định các trường sư phạm trọng điểm, chủ chốt hoặc “vệ tinh”. Cần xác định rõ được chức năng, vai trò, nhiệm vụ của các trường sư phạm trọng điểm, trường sư phạm chủ chốt và trường sư phạm vệ tinh trong hệ thống. Bên cạnh việc sử dụng bộ quy chuẩn, việc quy hoạch các trường sư phạm cần được thực hiện theo hướng: Các trường đại học có chất lượng cao, có uy tín, có bề dày truyền thống trong ĐTGV sẽ được chọn làm trường sư phạm trọng điểm và chủ chốt, các trường khác sẽ chuyển đổi hoạt động để trở thành phân hiệu hay vệ tinh của các trường này. Các trường sư phạm trọng điểm phải đóng vai trò dẫn dắt hệ thống, nâng cao hiệu quả và chất lượng ĐTGV trong cả nước.

Nguyên tắc 2: Việc quy hoạch các trường sư phạm phải xem xét đến yếu tố địa chính trị, kinh tế - xã hội và văn hóa vùng miền.

Việc quy hoạch các trường sư phạm cần xem xét đến yếu tố địa lý, kinh tế - xã hội của từng vùng, miền trong mối tương quan với các trường sư phạm trọng điểm và chủ chốt, giữa các trường sư phạm với hệ thống giáo dục đại học và tính kết nối giữa các trường trong hệ thống sư phạm. Một mặt phải phân định rõ ràng mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô của mỗi cơ sở đào tạo; mặt khác, sắp xếp lại để tạo cơ hội phát triển đồng bộ, tránh việc phân bố dàn trải, đầu tư nhỏ giọt và hạ thấp chất lượng. Xem xét yếu tố địa kinh tế - chính trị (chú ý đến các vùng kinh tế) là nhằm kích thích sự phát triển đồng đều giữa các vùng miền, tạo sự thuận lợi không chỉ trong quá trình đào tạo mà cả trong quá trình bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Bên cạnh việc tập trung đầu tư cho các cơ sở đào tạo sư phạm trọng điểm và trường sư phạm chủ chốt ở các thành phố lớn thì cần phát triển và phân bố hợp lý các cơ sở ĐTGV ở các vùng miền, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để tạo điều kiện thuận lợi cho người học và tuyển dụng giáo viên cho địa phương.

Nguyên tắc 3: Việc quy hoạch các trường sư phạm cần tính đến bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; bối cảnh hội nhập quốc tế, xu hướng mới trên thế giới trong ĐTGV và sự thay đổi về mô hình nhân cách của người giáo viên tương lai.

Bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, trong đó để thực hiện thành công chương trình giáo dục phổ thông mới đòi hỏi các trường sư phạm cần tái cấu trúc, đổi mới chương trình, phương thức ĐTGV, phù hợp với khung trình độ quốc gia và khung trình độ ASEAN. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các trường sư phạm có xu hướng đa ngành, đa lĩnh vực đào tạo và nâng cấp các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm thành trường đại học đa ngành. Các trường sư phạm không chỉ ĐTGV và giáo viên không chỉ đào tạo ở

các trường sư phạm truyền thống [6], [7]. Nhu cầu số lượng giáo viên không còn cấp bách nữa, thậm chí đã dư thừa, nhưng yêu cầu chất lượng nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên lại cấp bách mới kịp đáp ứng hội nhập quốc tế, đáp ứng đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Do đó, việc quy hoạch cần đảm bảo tính kết nối giữa các trường đại học sư phạm, các trường đại học đa ngành và các trường cao đẳng sư phạm, trong đó trước mắt việc ĐTGV mầm non và tiểu học tiếp tục áp dụng mô hình đào tạo truyền thống còn ĐTGV trung học thì cần tiếp cận với xu hướng quốc tế [6], [7].

Nguyên tắc 4: Gắn chặt quá trình đào tạo sư phạm với yêu cầu sử dụng lực lượng giáo viên của xã hội, chú ý yếu tố “vùng thị trường”, sức hút, độ lan tỏa của trường sư phạm trọng điểm và chủ chốt.

Ngoài các yếu tố tự nhiên, lịch sử, đặc điểm dân số, dân sinh, phong tục tập quán, các chính sách phát triển kinh tế địa phương, khả năng cung cấp lao động, cấu trúc hạ tầng của vùng và địa phương (điện nước, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, giáo dục, khách sạn, nhà ở...), uy tín của cơ sở đào tạo thì vấn đề dung lượng thị trường nguồn tuyển sinh có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của cơ sở đào tạo. Việc xử lý tốt các mối quan hệ các cơ sở đào tạo sư phạm giữa các vùng và nội vùng với nhau nhằm tránh sự chông chéo, cản trở lẫn nhau theo trật tự phân công lao động theo lãnh thổ, giảm đầu mối, tăng tính kết nối trong hệ thống, giảm sử dụng không hiệu quả các nguồn lực,... tạo ra sự phát triển thống nhất, hài hoà trên phạm vi cả nước là những nhiệm vụ của việc xử lý liên vùng. Do đó, Bộ GDĐT cần chủ trì giao chỉ tiêu cho các trường sư phạm trọng điểm và chủ chốt, dựa vào dữ liệu báo cáo nhu cầu nguồn nhân lực ngành này tại các địa phương. Và khi Nhà nước đặt hàng, trả kinh phí đào tạo thì sẽ hoàn toàn có thể yêu cầu mức điểm chuẩn đầu vào đối với ngành sư phạm. Sinh viên tốt nghiệp cũng có quy định phải đạt được tiêu chuẩn

nhất định thì mới được tuyển dụng... Ngoài ra, việc quy hoạch vừa chú ý tính kết nối, tính khu vực trên diện rộng nhưng không cào bằng hay không dàn đều. Muốn đảm bảo cạnh tranh công bằng và “phát triển có trọng điểm” cần quy hoạch các trường sư phạm trọng điểm và chủ chốt ở các khu vực để đảm bảo phát triển làm trọng điểm - đầu kéo thúc đẩy sự phát triển của các vệ tinh hay các cơ sở khác trong khu vực. Các trường trọng điểm và chủ chốt cần chú ý đảm bảo yêu cầu ĐTGV theo nhu cầu thực tiễn phục vụ các trường học tư thục, trường quốc tế ở trong nước, từ đó cần định hướng cung cấp giáo viên cho thị trường khu vực và quốc tế.

4. Định hướng quy hoạch các trường sư phạm

Trên cơ sở các quan điểm và nguyên tắc trên, quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm cần thể hiện được một số định hướng phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế:

Thứ nhất, củng cố mạng lưới cơ sở đào tạo sư phạm (về quy mô cũng như cơ cấu tổ chức) dựa trên phân tầng theo trình độ, loại hình đào tạo, tính chất và đặc điểm kinh tế xã hội của từng vùng, từng địa phương; tăng cường cơ sở vật chất của các trường sư phạm.

Thứ hai, đổi mới công tác quản lý và điều hành các cơ sở ĐTGV, từ đó làm rõ cơ chế phân công phối hợp nhiệm vụ quản lý các trường/khoa sư phạm các cục/vụ của Bộ GDĐT để tạo được tính thống nhất trong chỉ đạo, kiểm tra giám sát đồng bộ việc thực hiện các nhiệm vụ của các trường sư phạm. Trong đó, chú trọng phân cấp quản lý các cơ sở ĐTGV theo các quy định về quản lý các trường đại học, cao đẳng nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và tự kiểm soát của các cơ sở ĐTGV theo quy định của pháp luật, tiếp tục nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo sư phạm. Định hướng này cũng phù hợp với các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong việc “tăng cường phân cấp quản lý, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học,

cao đẳng... khắc phục hiện trạng manh mún, phân tán của mạng lưới”.

Thứ ba, nâng cao tính kết nối giữa hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm với hệ thống các cơ sở giáo dục ở các cấp, các địa phương nhằm đảm bảo chuẩn hóa về trình độ của giáo viên các cấp cũng như nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục. Nội dung này yêu cầu các trường sư phạm phải nắm bắt được nhu cầu nhân lực sư phạm ở các địa phương để tiến hành xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh. Quy mô đào tạo cần phải phù hợp với nhu cầu thực tế để tránh đào tạo tràn lan dẫn tới giảm sút về chất lượng đào tạo sư phạm. Đồng thời phải xây dựng các bộ tiêu chí/tiêu chuẩn đánh giá năng lực giáo viên phù hợp với đặc thù từng bậc, từng chuyên ngành giáo dục. Trên cơ sở những tiêu chuẩn này, hoạt động đào tạo của các trường sư phạm mới có định hướng phù hợp để tập trung đáp ứng những yêu cầu cần thiết đối với nhân lực sư phạm thay vì dàn trải chương trình đào tạo đồng đều như hiện nay.

Thứ tư, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khoa học giáo dục và các hoạt động hợp tác quốc tế. Đây là một nội dung quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, đặc biệt là trước chủ trương thu hút các nguồn lực và cơ sở đào tạo nước ngoài tham gia đào tạo tại Việt Nam thì đây không chỉ là yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục sư phạm mà còn là giải pháp đối phó với nguy cơ suy giảm sự thu hút đối với người học của các cơ sở đào tạo đại học nói chung và các cơ sở đào tạo sư phạm nói riêng.

Thứ năm, việc đầu tư cơ sở vật chất cho các trường sư phạm phải gắn với đào tạo năng lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của các cơ sở này nhằm hạn chế sự đầu tư lãng phí. Những mô hình phòng học/phòng thí nghiệm thông minh có thể được đầu tư dễ dàng nhưng hiệu năng sử dụng cũng là vấn đề phải được chú trọng. Chúng tôi cho rằng yếu tố quan trọng nhất quyết định hiệu quả, chất lượng giáo dục vẫn là năng lực con người chứ không nên quá tập trung cho đáp ứng các nhu cầu cơ sở vật chất.

Thứ sáu, quy hoạch mạng lưới cơ sở ĐTGV trên cơ sở kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nghĩa là vừa đảm bảo tính tự chủ của các trường sư phạm vừa đảm bảo tính thống nhất trong quản lý, nhất là quản lý về chỉ tiêu đào tạo sư phạm của Bộ GDĐT. Quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm phải kết hợp với đổi mới quản trị đại học, nâng cao năng lực đào tạo và các chính sách về đào tạo sư phạm, tuyển dụng giáo viên.

5. Kết luận

Quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm trước hết nhằm phát triển ngành sư phạm Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục của hệ thống giáo dục. Xây dựng các trường đại học sư phạm trở thành các trung tâm sáng tạo, đổi mới căn bản và toàn diện của ngành sư phạm cả nước. Tăng cường sự gắn kết giữa hệ thống các trường, khoa sư phạm với hệ thống giáo dục ở các bậc mầm non và phổ thông, cũng như các cấp quản lý giáo dục để bảo đảm sự đồng bộ trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình giáo dục ở các cấp. Quy hoạch cần phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm cơ cấu trình độ và cơ cấu vùng miền, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Bên cạnh đó, cần tập trung đầu tư nguồn lực cho các cơ sở đào tạo sư phạm trọng điểm, các vùng kinh tế trọng điểm và các vùng đặc biệt khó khăn. Đặc biệt, để thực hiện có kết quả công tác quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm cần có những giải pháp quyết liệt, động bộ từ trung ương đến địa phương và từ chính các trường sư phạm.

Lời cảm ơn

Công trình nghiên cứu này được tài trợ bởi Chương trình KH&CN về Khoa học Giáo dục cấp quốc gia KHGD/16-20 với đề tài “Nghiên cứu quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. Decision No.121/2007/QĐ-TTg, dated 27/7/2007 of Prime Minister on approving “Planning the network of universities and colleges in Vietnam period 2006 - 2020”.
- [2]. Decision No.37/2013/QĐ-TTg, dated 26/6/2013 of Prime Minister on adjusting “Planning the network of universities and colleges in Vietnam period 2006 - 2020”.
- [3]. H. Q. Pham, *Developing teacher training curriculum: Theory and practice*, Thai Nguyen University Publishing House, 2013.
- [4]. Q. S. Pham, *Research on building the predict model to develop tertiary education in Vietnam*, Research Project at Ministerial Level, code: B20078-37-31TĐ, The Vietnam National Institute of Educational Sciences, 2011.
- [5]. T. B. Nguyen, *Research on proposing some measures of renovation in training and fostering teachers*, Research Project at National Level, Vietnam Peace and Development Foundation, 2013.
- [6]. A. Gordon, *Restructuring teacher education. Issues in Education Policy*, Number 6, Centre for Education Policy Development, 2009.
- [7]. C. J. Craig, *Structure of teacher education*, In J. Loughran, M.L. Hamilton (eds), *International Handbook of Teacher Education*, pp. 69-135, Springer, 2016.
- [8]. Resolution No.19 NQ/TW, dated 25/10/2017 of The Central Executive Committee on “Continue to renovate the organization and management system, improve the quality and performance of public units”.
- [9]. Law No.34/2018/QH14, dated 19/11/2018 of National Assembly on amending and supplementing a number of articles of the Law on Higher Education.